



Đề bài: Cảm nhận về bài thơ Tự Tình II của Hồ Xuân Hương Ngữ văn 11

Dàn ý chi tiết

1. Mở bài

- Giới thiệu về bài thơ “Tự tình” của Hồ Xuân Hương: “Bà chúa thơ Nôm” có chùm thơ “Tự tình” bao gồm ba bài, là tiếng nói của thân phận, là những khát khao, đau buồn của kiếp người. Trong đó, bài thơ “Tự tình II” đã thể hiện rõ tâm trạng, thái độ của nữ sĩ: vừa buồn đau, vừa phẫn uất trước nghịch cảnh éo le cùng khát vọng vươn lên nhưng vẫn rơi vào bi kịch.

2. Thân bài

– Bốn câu thơ mở đầu bài thơ đã cho thấy hoàn cảnh và tâm trạng của nữ sĩ

+ Hoàn cảnh:

Thời gian nghệ thuật: đêm khuya.

Tiếng trống canh giữa đêm khuya cho thấy cảm nhận về bước đi dồn dập của thời gian.

+ Tâm trạng buồn tủi của nữ sĩ:

Những từ ngữ giàu giá trị biểu cảm đã được sử dụng để thể hiện tâm trạng: “Trơ” được đặt đầu câu kết hợp với biện pháp đảo nhấn mạnh cảm giác tủi hổ, chai lì. Hai chữ “hồng nhan” lại đi với từ “cái” gợi lên ý thức về sự rẻ rúng, mỉa mai của thân phận.

“Vàng trăng bóng xế” (trăng sắp tàn) mà vẫn “khuyết chưa tròn” trở thành hình ảnh ẩn dụ, nhấn mạnh hai lần bi kịch của cuộc đời nữ sĩ: tuổi xuân trôi qua mà nhân duyên vẫn không trọn vẹn.

– Ý thức sâu sắc về bi kịch tình duyên, tác giả không chỉ cảm thấy bề bàng, tủi hổ mà còn phẫn uất

+ Bức tranh thiên nhiên hiện lên với những nét chấm phá về rêu và đá hiên ngang tồn tại đầy mạnh mẽ: “xiên ngang mặt đất”, “đâm toạc chân mây”.

+ Biện pháp đảo ngữ đưa những động từ mạnh lên đầu câu:

Làm nổi bật sức sống mãnh liệt của cỏ cây.



Ảnh dụ cho tâm trạng phần uất muốn vượt lên trên nghịch cảnh éo le của tác giả.

– Bài thơ kết thúc cũng bằng cảm thức về thời gian, cho thấy tâm trạng chán chường, buồn tủi.

+ “Ngán” mang sắc thái chỉ sự chán ngán, ngán ngẩm.

+ Từ “xuân” được điệp lại hai lần mang những sắc thái ngữ nghĩa khác nhau: vừa chỉ mùa xuân, vừa chỉ tuổi xuân.

+ Hai từ “lại” trong cụm từ “xuân đi xuân lại lại” cũng được sử dụng với hai sắc thái ý nghĩa khác nhau: từ “lại” thứ nhất là thêm một lần nữa, trong khi đó, từ “lại” thứ hai có nghĩa là quay trở lại, gọi lên sự tuần hoàn, lặp lại.

3. Kết bài

Khái quát giá trị của bài thơ: Bài thơ “Tự tình II” đã thể hiện một cách sâu sắc, mãnh liệt khát vọng sống, khát vọng tự do và khát vọng hạnh phúc của tâm hồn một người phụ nữ vừa dịu dàng, đằm thắm vừa mạnh mẽ. Tất cả đã được thể hiện thông qua tài năng trong nghệ thuật sử dụng ngôn từ và xây dựng hình tượng của “Bà Chúa thơ Nôm”.

Bài làm

Ni-cu-lin, một người Nga, nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam, đã phát biểu nền văn học dân gian Việt Nam thời trung cổ không được thừa nhận vào lĩnh vực thơ ca cao cấp".

Thực ra, lịch sử văn học trung đại Việt Nam vẫn có quy luật này: hai bộ phận văn học dân gian và văn học viết tồn tại và phát triển song song trong suốt trường kì lịch sử vẫn luôn luôn có tác động qua lại. Khi những tinh hoa của hai bộ phận này kết tụ lại ở những cá tính sáng tạo nào đó, trong những điều kiện lịch sử nhất định, thì đất nước lại được thấy sự xuất hiện của những thiên tài văn học với những áng thơ văn bất hủ. Ấy là những trường hợp Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương,...

Tuy nhiên, ở Hồ Xuân Hương, quy luật này vẫn có một khía cạnh đặc biệt khác thường. Đây là trường hợp tư tưởng dân gian lấn át hẳn tư tưởng chính thống mà các tác giả Nho học, dù là Nguyễn Trãi, Nguyễn Du cũng không hoàn toàn dứt bỏ được. Một tinh thần nổi loạn quyết liệt muốn san bằng mọi đẳng cấp trong xã hội, một khát vọng được sống, được hưởng hạnh phúc đúng với nghĩa



thiết thực nhất, người nhất, trần tục nhất, chống lại mọi ràng buộc của lễ giáo phong kiến và tất cả những gì trái với tự nhiên - một thứ tư tưởng đặc biệt đề cao người phụ nữ là hạng người bị khinh rẻ nhất trong xã hội phong kiến - và lấy quy luật Tạo hoá làm chuẩn, đề cao sự sống tự nhiên như trời đất giao hoà, âm dương giao phối. Một thứ tư tưởng đi thẳng từ tục lệ thờ cúng sinh thực khí, từ những lễ hội nam nữ giao phối tượng trưng còn tồn tại mãi sau này ở nhiều làng xã Việt Nam, từ những bức tranh Đông Hồ như Hứng dừa, Đánh ghen hay những bức khắc gỗ Các cô gái tắm ao vẫn còn đó ở đình Thổ Tang, Vĩnh Phúc, từ những truyện tiểu lâm, Trạng Quỳnh, Trạng Lợn hay những câu ca dao hết sức táo tợn:

- Không chồng mà chữa mới ngoan,

Có chồng mà chữa thể gian đã nhiều.

- Có chồng càng dễ chơi ngang,

Đẻ ra con thiếp con chàng con ai.

- Lẳng lơ cũng chẳng có mòn,

Chính chuyên cũng chẳng sơn son để thờ.

v.v.

Tư tưởng ấy đem đến cho Hồ Xuân Hương một nhãn quan riêng về thể giới: nhìn đâu cũng thấy Tạo hoá sinh sôi, âm dương giao phối, một thể giới trẻ trung, sống động, tốt tươi phồn thực, phơi phới xuân tình, đầy tràn sắc dục,...

Một tư tưởng như thế tấn công mạnh mẽ và chiếm lĩnh được nội dung chủ đạo của văn chương bác học, chỉ có thể xuất hiện ở thời đại mà chế độ phong kiến khủng hoảng sâu sắc, thời đại quật khởi của nhân dân. Ấy là thời đại từ Nam chí Bắc, nông dân khởi nghĩa nổ ra liên tiếp dẫn tới đỉnh cao là phong trào Tây Sơn lật đổ vua Lê, chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, dẹp tan chúa Nguyễn ở Đàng Trong, rước thẳng lên ngôi vua một anh hùng nông dân. Ông "vua áo vải" này với khí thế của quần chúng như triều dâng thác đổ, đã chớp nhoáng tiêu diệt quân Xiêm phía Nam và đánh tan hàng vạn quân Thanh phía Bắc.

Phải coi thơ Xuân Hương như tiếng dội trực tiếp của khí thế ấy mới hiểu được tinh thần táo tợn rất bình dân ở người đàn bà trí thức này. Tất nhiên Hồ Xuân Hương không phải là một hiện tượng đơn độc mà nằm trong cả một trào lưu

văn học đầy tinh thần nhân văn chủ nghĩa cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX. Nhưng phải nói ở nhà thơ này, sự "xâm lăng" của tinh thần dân gian vào văn học viết vẫn mãnh liệt hơn cả. Nếu ta nhớ rằng, đến mãi đầu thế kỉ XX, những nhà nho cấp tiến như Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng vẫn còn coi Truyện Kiều là dâm thư, cô Kiều là con đĩ, thì có thể tưởng tượng được, vào thế kỉ XVIII, dư luận của giới nho sĩ đã phản ứng dữ dội như thế nào trước những vần thơ đi trước thời đại của Hồ Xuân Hương.

Nhưng khát vọng giải phóng nhân dân, giải phóng người phụ nữ của Xuân Hương làm sao có thể thực hiện được trong hoàn cảnh lúc bấy giờ. Đến ngay như Vương triều Tây Sơn cuối cùng cũng rơi vào khủng hoảng để cho Nguyễn Ánh trở lại khôi phục được nền chuyên chế nặng nề. Cho nên khuôn khổ của chế độ phong kiến trở nên quá chật hẹp đối với sức sống và tư tưởng ngang tàng của Xuân Hương; nhưng ngược lại, dù chống phá mạnh mẽ, sôi sục thế nào, Xuân Hương cuối cùng cũng không thoát ra khỏi được khuôn phép của chế độ ấy. Có thể nói, Xuân Hương là nổi bức bối, là sự ầm ạch của lịch sử Việt Nam cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX, muốn tìm một lối thoát mà chưa tìm được. Tấn bi kịch lịch sử này ngẫu nhiên lại gặp gỡ tấn bi kịch cá nhân của người đàn bà họ Hồ, một kì nữ tài ba với sự thức tỉnh mạnh mẽ về ý thức cá nhân, về quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc của người phụ nữ, vậy mà cuộc đời lại phải chịu nhiều bất hạnh: một lần làm lẽ, hai lần góa chồng !

Cái bức bối, cái ầm ạch vừa có tính cá nhân vừa có tính lịch sử đó đã tạo nên một nội dung riêng và một chất giọng riêng của thơ Hồ Xuân Hương.

2. Hồ Xuân Hương sáng tác một loạt ba bài Tự tình (Kể nỗi lòng), người ta đánh số I, II, III.

Căn cứ vào ý thơ, giọng thơ, giới nghiên cứu đề rằng, ba bài Tự tình đều làm khi nhà thơ tuổi đời đã xế và, vì thế đã từng phải nếm vị chua chát, nỗi chán chường của phận lẽ mọn và cảnh góa bụa. Nghĩ lại những ngày qua, người thiếu phụ - thi sĩ "Giật mình mình lại thương mình xót xa". Nhưng khác với Thuý Kiều, cái tôi Xuân Hương, dù bế tắc vẫn không hoàn toàn khuất phục, dù bất lực vẫn không chịu buông xuôi.

Bài thứ nhất (Tự tình I) lấy cảm hứng vào lúc đã có tiếng gà báo sáng ("Tiếng gà văng vẳng gáy trên bom"); bài thứ hai (Tự tình II) lấy cảm hứng vào lúc đêm đã về khuya ("Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn"). Đó là thời khắc

của hạnh phúc lứa đôi, của sum họp vợ chồng, vì thế cũng là thời khắc người vợ lẽ hay người goá phụ cảm nhận được đầy đủ nhất, sâu sắc nhất, thấm thìa nhất, cảnh cô đơn, nỗi bất hạnh của thân phận mình:

Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn.

Đêm đã khuya mà nhà thơ vẫn tỉnh thức - vì không ngủ được hay không muốn ngủ? - ngồi lắng nghe tiếng trống cầm canh nơi một đồn ải nào văng lại, nhắc nhớ một cách quái ác thời gian dường như cứ dồn đuổi nhau trôi đi, trôi đi một cách ửng phí và vô nghĩa lí trên thân phận trở trêu của người đàn bà vẫn khao khát hạnh phúc mà phải chịu cảnh chán đơn, gôi chiếc,...

Trơ cái hồng nhan với nước non.

Chữ nghĩa của Xuân Hương bao giờ cũng trần trụi đến tàn nhẫn như thế.

Khi nhà thơ dùng đến hai chữ "hồng nhan" thì có nghĩa là ở người thiếu phụ, xuân sắc vẫn còn, xuân tình chưa cạn, vậy mà cứ phải "trơ" ra đó, không kẻ đoái hoài. Có người hiểu chữ "trơ" theo nghĩa trơ lì, không còn cảm giác: "Đau thương, ê chề ngấm sâu dần, sâu dần vào xương cốt, biến con người thành vật vô tri". Đây là cách hiểu chữ trơ trong thơ Bà Huyện Thanh Quan: "Đá vằn trơ gan cùng tuế nguyệt". Tôi cho rằng, hiểu thơ như thế là trái ngược với tư tưởng tác giả trong Tự tình (bài II) này. Người đàn bà này, đúng là đã nếm trải nhiều bất hạnh, nhưng tâm hồn vẫn luôn luôn cháy bỏng, luôn luôn sôi sục, một tâm trạng bồn chồn không yên, thể hiện ở hai câu thực:

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,

Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.

Uống rượu để quên đời, nhưng không quên được: "say lại tỉnh", khao khát sự thoả mãn mà ngó ra ngoài trời, chỉ thấy đêm tàn trăng khuyết.

Nhưng đây mới thực là tính cách và ngôn ngữ Xuân Hương:

Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,

Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.

Thế giới hình tượng của thơ Xuân Hương bao giờ cũng hoạt động mạnh mẽ và huyền ảo như thế. Đó là không gian, thời gian trần tục, trần thế nên luôn luôn vận động, sôi sục, đối lập với không khí tĩnh lặng, phi thời gian của cổ thi ("Mở thăm không khu mà cũng cốc - Chuông sầu chẳng đánh có sao om?"; "Lắt lẻo

cành thông cơn gió thốc - Đầm địa lá liễu giọt sương gieo"; "Gió giạt sườn non
khua lác cắc - Sóng dồn mặt nước vỗ long bong",... Ngay cả màu sắc trong thơ
Xuân Hương nhiều khi cũng như muốn gào lên, muốn hét lên: "Cửa son đỏ loét
tùm hum nóc - Hòn đá xanh rì lún phún rêu"; "Một trái trắng thu chín mồm
mòm - Nảy vùng quế đỏ, đỏ lòm lom",...).

Tuy nhiên, âm thanh hay màu sắc, dù sao tự nó cũng phát ra tiếng động hoặc
hiện thành xanh, vàng, trắng, đỏ,... Nhà thơ chỉ cần phóng đại thật to, tô cho
thật đậm để trở thành âm thanh, màu sắc độc đáo của Xuân Hương. Nhưng
dưới ngòi bút của nữ sĩ họ Hồ, ngay cả những vật hoàn toàn tĩnh lại, hoàn toàn
bất động cũng đột nhiên trở thành những sinh vật biết cựa quậy, biết vùng vẫy,
biết phá phách: "Xiên ngang mặt đất rêu từng đám - Đâm toạc chân mây đá
mấy hòn". Thủ pháp đảo ngữ được sử dụng ở đây càng nhấn mạnh tính hoạt
động mạnh mẽ, dữ dội của thế giới nghệ thuật Hồ Xuân Hương.

Vậy là cái tôi đầy sức sống mà bị dồn nén của Xuân Hương từ những câu đề,
qua hai câu thực, đến những câu luận, cứ nổi lên dần: lúc đầu là nỗi chán
chường, ngán ngẩm "Trơ cái hồng nhan với nước non", tiếp đó là tâm trạng bức
độc, bồn chồn, muốn say mà không say được, trong khi đêm thì tàn mà trăng
vẫn khuyết: "Chén rượu hương đưa say lại tỉnh - Vầng trăng bóng xế khuyết
chưa tròn". Cuối cùng là nỗi bức bối, niềm phần uất muốn vùng lên phá phách.
Khát vọng sống của con người này, yêu cầu thực hiện triệt để tính cách, cá tính
của người đàn bà đặc biệt này, chẳng những chế độ phong kiến không dung nổi,
mà đến trời đất cũng trở nên chật hẹp.

Không phải ngẫu nhiên mà Xuân Hương thường đặt nhân vật của mình đối
diện với thiên nhiên rộng lớn, kể vai với vũ trụ mệnh mông ("Thân em vừa
trắng lại vừa tròn - Bầy nổi ba chìm với nước non"; "Gan nghĩa giải ra cùng
nhật nguyệt - Khối tình cọ mãi với non sông"; "Văng vẳng bên tai tiếng khóc
chồng - Nín đi kéo then với non sông"; "Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn
- Trơ cái hồng nhan với nước non",... Ấy là một con người có kích cỡ đặc biệt,
không phải chỉ của bản thân mình hay của một gia đình, một làng, một xã, mà
còn là của nhân dân, của đất nước, của Tạo hoá, của vũ trụ. Có nghĩ như vậy, ta
mới hiểu được vì sao Xuân Hương có thể tự đặt mình từ thế đứng rất cao với
thái độ và giọng điệu hết sức kẻ cả khi đối thoại với đời, dù đó là những bậc
hiền nhân quân tử, là Thái thú Sầm Nghi Đống, là những đấng anh hùng ("Mát

mặt anh hùng khi tắt gió") thậm chí là vua, là chúa ("Chúa dẫu, vua yêu một cái này" - Vịnh cái quạt).

Nhưng Xuân Hương, dù tư tưởng có thể đi trước thời đại, nhưng trong đời thực vẫn không thể vượt khỏi thân phận của mình. Vì thế, những hành vi phá phách, nổi loạn dù táo tợn thế nào cũng chỉ là những vùng vẫy trong giới hạn của ngôn từ mà thôi. Nhà thơ đành chấp nhận số phận của mình bằng một tiếng thở dài ngao ngán:

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,

Mảnh tình san sẻ tí con con!

3 Nhưng Xuân Hương đích thực là nhà thơ của mùa xuân, tuổi trẻ và tình yêu của sự sống tươi ròng, của tinh thần lạc quan, yêu đời. Đó cũng chính là chất dân gian đậm đặc của hồn thơ này. Đọc thơ Xuân Hương, thấy có đủ cả buồn khổ, đắng cay, chán chường, căm uất, đủ cả oán thù, phẫn nộ, thậm chí muốn tung hê tất cả, phá phách tất cả..., nhưng không bao giờ mất hết niềm tin ở cuộc đời, ở sự sống. Điều ấy có thể cảm nhận rất rõ ở thế giới nghệ thuật hết sức sống động của nữ sĩ, một thế giới không bao giờ hoàn toàn vắng lặng: nếu không có tiếng chuông chùa văng vẳng, tiếng mõ, tiếng trống cầm canh thì cũng có tiếng "gà gáy trên bom", tiếng "sóng dồn mặt nước", tiếng "gió giật sườn non", hay "cành thông gió thốc",... Và nếu lắng nghe còn thấy "Rúc rích thầy cha con chuột nhắt - Vo ve mặc mẹ cái ong bầu",... Một thế giới hình tượng sống động, luôn cựa quậy, luôn hoạt động: "Cỏ gà lún phún leo quanh mép - Cá giếc le te lách giữa dòng"; "Xiên ngang mặt đất rêu từng đám - Đâm toạc chân mây đá quai hòn"; "Gan nghĩa giải ra cùng nhật nguyệt - Khôi tình cộ mãi với non sông",... Một thế giới đầy màu sắc trẻ trung, hồng hào, tươi tốt, chan chứa xuân sắc, xuân tình,... Tất cả đều được phát hiện và đánh giá theo một quan điểm mỹ học độc đáo của Xuân Hương: lấy vẻ đẹp thanh tân, khỏe khoắn, phồn thực, tự nhiên của cơ thể người đàn bà giữa tuổi xuân làm chuẩn. Trong thế giới nghệ thuật ấy, tiếng khóc không hẳn là lời tuyệt vọng và cái chết không hề muốn ngăn đường sự sống cKhóc ông phủ Vĩnh Tường, Khóc Tổng Cóc,...).

Đúng là Tự tình (bài II) đã kết thúc bằng một lời chua chát: "Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại - Mảnh tình san sẻ tí con con". Nhưng như thế là tuổi xuân chưa hết, tình xuân vẫn đầy.



Xưa thường có câu: "Chữ rằng, xuân bất tái lai". Nhưng Xuân Hương lại nói "xuân đi xuân lại lại", có nghĩa là người đàn bà vẫn còn có cái để chờ đợi, để ước ao, tuy rằng hạnh phúc mong đợi ấy chưa bao giờ được hưởng trọn vẹn: "Vàng trắng bóng xé khuyết chưa tròn".

Có một vấn đề rất nên đặt ra đối với thơ Hồ Xuân Hương nói chung: Vì sao tư tưởng dân gian gần như thuần chủng, nguyên chất ở Xuân Hương lại không được diễn đạt bằng các thể thơ dân gian như lục bát, song thất lục bát mà lại tự ép mình vào khuôn khổ thơ Đường, một thể thơ bác học ngoại nhập, luật lệ rất nghiêm minh? Lại một nét oái oăm, độc đáo của thơ Xuân Hương chăng? Nhưng ngẫm ra, thấy sự chọn lựa của nữ sĩ rất có lí, có thể nói là rất tự nhiên nữa.

Song thất lục bát là thể ngâm, hợp với lời trữ tình than thở. Lục bát thì mạnh về khả năng tự sự và thiên về diễn tả tình cảm thiết tha. Nhưng thơ Xuân Hương không chỉ có tình cảm mà còn có trí tuệ, có tư tưởng, đồng thời có nhu cầu tạo tính đa nghĩa trên mỗi dòng thơ, từ mỗi hình ảnh, mỗi ngôn từ: nghĩa hiển ngôn, nghĩa hàm ẩn, nghĩa trần trụi, nghĩa ỡm ờ, nghĩa từ vựng, nghĩa xã hội - tâm lí, nghĩa thanh, nghĩa tục, v.v.

Muốn đạt được những yêu cầu ấy, Xuân Hương rất cần đến khả năng của thất ngôn bát cú, của cấu trúc chặt chẽ, của luật đối ngẫu và của tính hàm súc với khả năng dồn nén nhiều nghĩa và tạo ý ngoài lời (ý tại ngôn ngoại).

Nhưng Xuân Hương, một mặt khai thác khả năng của thơ Đường, mặt khác lại cố tình xoá sạch, khước từ điển tích, điển cố, lối diễn đạt ước lệ cách điệu hoá, sự sử dụng màu sắc tao nhã, trừu tượng, thay vào đây là sự khai thác triệt để những ngôn từ thuần Việt và các thủ pháp nghệ thuật dân gian, đặc biệt là nghệ thuật trào phúng, hồn nhiên và táo tợn của ca dao, dân ca, của truyện tiểu lâm, Trạng Quỳnh, Trạng Lợn,... Và trên cái văn bản Việt hoá và dân gian hoá đó, bao giờ cũng hằn lên cái dấu triện "Xuân Hương hoá" đầy cá tính độc đáo và mãnh liệt của "thiên tài kì nữ" họ Hồ.

Bài làm 2

Hồ Xuân Hương là một nhà thơ nữ nổi tiếng trong lịch sử văn học dân tộc. Đối với người Việt Nam, tên tuổi của Hồ Xuân Hương quen thuộc không kém bất cứ một nhà thơ nào. Bà là "Chúa thơ Nôm" là con của Hồ Phi Diễn (1706-1783), quê ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An và một

người thiếp quê ở Hải Dương”. Là một phụ nữ tài hoa có cá tính mạnh mẽ nhưng đời tư lại có nhiều bất hạnh. Hồ Xuân Hương lấy chồng muộn mà đến hai lần đi lấy chồng, hai lần đều làm lẽ, cả hai đều ngán ngùi và không có hạnh phúc. Hồ Xuân Hương là nhà thơ Nôm nổi tiếng. Bà đã để lại nhiều bài thơ độc đáo với phong cách thơ vừa thanh vừa tục. Hồ Xuân Hương được coi là một trong những nhà thơ tiêu biểu của văn học Việt Nam, “là nhà thơ độc đáo có một không hai trong lịch sử văn học dân tộc”.

“Tự tình” là bài thơ thể hiện nỗi buồn và tâm sự của nhà thơ về số phận lẻ loi của mình và niềm khát khao được hạnh phúc, được quân tử yêu thương.

Mở đầu bài thơ là không khí đêm khuya thanh vắng:

"Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn

Trơ cái hồng nhan với nước non"

Không gian được mở ra giữa đêm khuya, thao thức, nghe tiếng trống dồn dập sang canh. Không gian cô quạnh, không có bóng người, gọi cho người ta cảm thấy ớn lạnh. Nhà thơ nhận thấy sự cô đơn đang bủa vây lấy con người mình, thấy mình cô độc giữa cuộc đời, cảm giác mình nhỏ bé đến lạ giữa đêm tối lại càng gợi sự cô quạnh và trống vắng, không tìm thấy ánh sáng. Nghe những câu thơ mà thấm thía, tội cho một người phụ nữ lẻ bóng mong được tình yêu đích thực.

Tâm trạng bi đát, mượn rượu giải sầu:

"Chén rượu hương đưa say lại tỉnh

Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn"

Nhà thơ nói lên tâm trạng và nỗi lòng của mình. Rất buồn, ngồi uống uống chén rượu để quên đi hiện tại, để quên đi sự cô đơn bủa vây nhưng càng uống càng tỉnh, tỉnh lại càng buồn hơn. Mượn rượu giải sầu, ai ngờ càng sầu hơn, lại càng gò bó mình hơn trong không gian cô quạnh. Nhìn trăng thấy trăng đã xế bóng mà lại chưa tròn. Vầng trăng như là thân phận của nhà thơ, "Khuyết chưa tròn": Chưa tuyệt vọng vẫn còn ấp ủ niềm hi vọng. Không biết đến khi nào vầng trăng ấy mới tròn và nhà thơ mới được cảm nhận hạnh phúc của bản thân.

"Xiên ngang mặt đất rêu từng đám

Đâm toạc chân mây đá mây hòn"

Nhà thơ không say, nhìn cảnh vật ở những nơi khác nhau, mở rộng tầm nhìn: những đám rêu trên mặt đất, mây hòn đá phía chân trời. Những hình ảnh rất là ước lệ. Nhìn từ gần sát mình đến xa tít tắp tận chân trời. “Rêu” là loài mỏng manh nhỏ bé, nhưng lại có sức sống vô cùng mạnh mẽ, dù ở điều kiện nào nó vẫn phát triển rất là tốt. Cái nhìn khoẻ khoắn, có một sự phản kháng, sự vươn lên để khẳng định chỗ đứng của mình.

"Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,

Mảnh tình san sẻ tí con con."

Từ thiên nhiên xung quanh, nhìn lại bản thân mình, cảm thấy ngán nỗi, buồn cho mình, nghịch lí. Nhà thơ cảm thấy ngán ngẩm cho những quy luật của tạo hóa, xuân đi qua, rồi xuân lại đến. Thời gian cứ trôi qua xuân đi xuân lại lại, một sự tuần hoàn liên tục nghe mà ngán ngẩm cho duyên phận của mình. Tuổi xuân trôi qua mà lại không có tình duyên trọn vẹn. Mảnh tình của mình qua bao ngày ngóng đợi, thì lại phải san sẻ, không được trọn vẹn. Một nỗi buồn chán và thất vọng lại bao phủ. Ý cũng muốn nói đến những người thê thiếp đâu được hưởng niềm hạnh phúc mong ước, mà phải san sẻ cho bao nhiêu người. Thê thiếp thì đâu có tiếng nói, đâu có quyền sắp đặt mọi chuyện.

Đây là một bài thơ vô cùng hay và ý nghĩa. Một bài thơ chứa đựng nỗi buồn và niềm khát khao chân thành. Trong nền thơ trung đại, lần đầu tiên mới có một người phụ nữ dám nói lên điều ấy.

Bài làm 3

Xã hội phong kiến xưa luôn tôn thờ chế độ “Trọng nam, khinh nữ” khiến cho cuộc đời và số phận của những người phụ nữ vô cùng bất bênh, đau khổ. Họ không có quyền lựa chọn hạnh phúc cho bản thân, luôn phải sống dưới cái bóng quá lớn của khuôn khổ “Tam tòng, tứ đức”. Tuy nhiên, trước số phận nghiệt ngã ấy, có những người chọn cách im lặng, cam chịu, nhưng cũng có những người dám đứng lên để đấu tranh cho khát khao hạnh phúc của bản thân. Hồ Xuân Hương là một người như vậy. Bà là một trong số rất ít nhưng nhà văn nữ ở thời đại này nhưng ở Hồ Xuân Hương lại nổi bật một cá tính riêng không trộn lẫn. Là một “nhà văn phụ nữ viết về phụ nữ”, Hồ Xuân Hương đã dám cất lên tiếng nói để bộc lộ tâm sự, suy tư thầm kín. Có lẽ cũng bởi cuộc đời long



đong lận đận của mình mà các sáng tác của Hồ Xuân Hương chủ yếu nói về người phụ nữ, nhất là những người mang thân phận làm lẽ. Bài thơ “Tự tình II” như nói lên tất cả

Không chỉ sáng tác thơ chữ Hán, mà các sáng tác thơ Nôm của bà cũng vô cùng phong phú. Chính vì vậy, “ông hoàng thơ tình Xuân Diệu” đã ưu ái gọi bà là “bà chúa thơ Nôm”. Bài thơ “Tự tình II” nằm trong chùm ba bài “Tự tình”, thể hiện rõ tài năng cũng như phong cách sáng tác của Hồ Xuân Hương. Đó là sự hòa quyện giữa một chất thơ trữ tình cùng sự táo bạo, dí dỏm. Bài thơ “Tự tình II” chan chứa nỗi đau thâm kín, bộc lộ cảnh ngộ, thân phận và nhân cách, bản lĩnh của Hồ Xuân Hương.

Tâm trạng của Hồ Xuân Hương bắt đầu trong một không gian vô cùng đặc biệt:

“Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn”.

“Đêm khuya” là khoảng thời gian mà vạn vật đã chìm vào giấc ngủ. Đó cũng là khoảng thời gian con người gạt bỏ hết những trăn trở, âu lo để trở về với hạnh phúc gia đình, hạnh phúc lứa đôi. Nhưng với những người phụ nữ cô đơn, thì “đêm khuya” chính là lúc con người ta chất chứa nhiều tâm sự, là khoảng thời gian tâm tư sâu lắng nhất, thấm thía nhất nỗi bất hạnh, cô đơn đến tột cùng. Hồ Xuân Hương cũng vậy, khi màn đêm bao trùm lấy cảnh vật, cũng là lúc bản thân phải tự đối diện với lòng mình. Trong cái không gian tĩnh mịch ấy, bỗng “văng vẳng” tiếng “trống canh”. “Trống canh” là báo hiệu của thời gian, nay kết hợp với từ láy tượng thanh “văng vẳng” khiến âm thanh như từ xa vọng về, đầy ma mị, rối bời. Từ “dồn” như muốn nói lên sự dồn đuổi của thời gian lên cảnh vật, như thúc giục mọi người. Tuy nhiên, cấu trúc đảo ngữ đã khẳng định đây không chỉ là sự dồn đuổi của thời gian lên cảnh vật mà còn là sự dồn đuổi của tuổi trẻ giữa cái vòng tuần hoàn ngày-đêm của tạo hóa. Nếu như thời gian của cuộc đời là vô thủy, vô trung thì thời gian của đời người là hữu hạn. Giữa không gian yên ắng ấy là hình ảnh người phụ nữ lợt thỏm giữa bốn bề vắng lặng:

“Trơ cái hồng nhan với nước non”.

“Trơ” có nghĩa là trơ trọi, được đặt ở đầu câu gây ấn tượng mạnh. Người phụ nữ trơ trọi giữa không gian lạnh lẽo, yên ắng. Từ “trơ” cũng có nghĩa là tủi hổ, bẽ bàng trước số phận lẻ loi, tình duyên không trọn. Từ xưa đến nay, người ta dùng từ “hồng nhan” để chỉ người con gái đẹp với hàm ý nâng niu, trân trọng.



Nhưng Xuân Hương lại nói “cái hồng nhan” thì nghe thật rẻ rúng, mỉa mai. “Cái hồng nhan” “trơ” với nước non không chỉ là dầu dãi mà còn là cay đắng, gọi nên sự bạc phận, xót xa. Tuy nhiên, “cái hồng nhan” khi đặt trong thế đối sánh với “nước non” như một thoáng kiên cường, mạnh mẽ, như một sự thách thức, kiêu hãnh của một tâm hồn đầy cá tính. Biện pháp đảo ngữ cho thấy bên cạnh nỗi đau Xuân Hương còn là một bản lĩnh Xuân Hương.

Sau những giây phút cô đơn, lạc lõng là những bế tắc, tuyệt vọng:

“Chén rượu hương đưa say lại tỉnh

Vàng trắng bóng xé khuyết chưa tròn”.

Trong sự cô đơn, người phụ nữ ấy tìm đến rượu để quên đi nỗi đau nhưng càng uống thì lại càng như nuốt tủi, nuốt hận vào lòng. Cụm từ “say lại tỉnh” như vẽ ra một cái vòng luẩn quẩn, bế tắc, không có lối thoát. Bà tìm đến vàng trắng-người bạn tri kỉ muôn đời của những tâm hồn cô đơn với khao khát trắng sẽ chia sẻ nỗi niềm cô đơn, buồn tủi ấy. Nhưng vàng trắng cũng “khuyết chưa tròn”. Bằng việc sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình, nhà thơ đã tạo nên sự đồng điệu giữa ngoại cảnh và tâm cảnh. Vàng trắng đã ở phía bên kia bầu trời mà vẫn khuyết cũng như tuổi xuân của con người đã trôi qua mà tình duyên chưa trọn vẹn. Tất cả những cố gắng thoát ra khỏi nỗi đau đều không thành, cuối cùng lại càng bế tắc khôn nguôi.

Sự bế tắc ấy đã khiến nhân vật trữ tình trào dâng nỗi niềm phẫn uất. sự phẫn uất ấy cuộn chảy mạnh mẽ, thấm cả vào cảnh vật:

“Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám

Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn”.

“Rêu”, “đá” là những sự vật nhỏ bé, vô tri, không được coi trọng. Nữ sĩ sử dụng hình ảnh của những sự vật bé nhỏ, hèn mọn, kết hợp với các động từ mạnh “xiên”, “đâm” để nói lên sức mạnh phản kháng trào dâng. Biện pháp liệt kê một lần nữa xuất hiện như muốn khẳng định thêm nỗi lòng phẫn uất của nhà thơ. “Rêu xiên ngang mặt đất”, “đá đâm toạc chân mây” như vách đất mà hòn, vạch trời mà oán. Ẩn sau những hình ảnh bình dị, giản đơn ấy, có lẽ chúng ta lại thấy bóng dáng của những người phụ nữ. Xã hội phong kiến quá bất công, khiến những người phụ nữ bé nhỏ phải oằn mình lên để chống đỡ. Qua cách miêu tả đầy tinh tế, cảnh vật hình như đang cự quật, căng đầy sức sống ngay

cả trong bế tắc. Biện pháp tả cảnh ngụ tình đã thể hiện rõ bản lĩnh, cá tính và khát vọng mạnh mẽ của Hồ Xuân Hương. Đó là khát khao hạnh phúc, khát khao được yêu thương trọn vẹn.

Hồ Xuân Hương có thể nói là một người phụ nữ cá tính, mạnh mẽ. Trước những sóng gió cuộc đời, bà vẫn luôn tự tin, kiêu hãnh. Tuy nhiên, dù tự tin, kiêu hãnh là thế, những cuối cùng, bà vẫn không thể vượt qua thân phận mình trong vòng vây của xã hội phong kiến. Sau tất cả sự cô đơn, tuyệt vọng, phản uất, đọng lại là tâm trạng ngán ngẩm, chán chường:

“Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại

Mảnh tình san sẻ tí con con”.

Từ “xuân” trong thơ Hồ Xuân Hương thật đa nghĩa. “Xuân” là mùa xuân của đất trời, là mùa của vạn vật sinh sôi, đâm chồi nảy lộc. Nhưng “xuân” cũng là tuổi xuân của con người. Mùa xuân qua đi rồi mùa xuân lại đi tới, tạo hóa vẫn tuần hoàn với muôn ngàn hoa lá, cỏ cây. Chỉ có tuổi xuân của đời người qua đi mà vĩnh viễn biến mất. Xuân đi rồi xuân lại, hai từ “lại” xếp cạnh nhau những mang hai ý nghĩa. Từ “lại” thứ nhất có nghĩa là thêm một lần nữa, còn từ “lại” tiếp theo mang ý nghĩa là sự tuần hoàn, quay trở lại. Thời gian của cuộc đời cứ thế vô tình trôi qua, cứ mỗi mùa xuân trở lại là ngày xanh của tuổi trẻ lại lần lượt ra đi. Tồi trẻ thì cứ lặng lẽ kết thúc, trong khi tình duyên vẫn mãi chẳng vẹn đầy:

“Mảnh tình san sẻ tí con con”.

Nhịp thơ 2/2/1/2 và nghệ thuật giảm dần làm cho nghịch cảnh trở nên éo le. Mọi người thường hay nói “mối tình”, “cuộc tình”, chứ “mảnh tình” thì nghe thật mâu thuẫn. Cụm từ “mảnh tình” khiến người đọc liên tưởng đến điều gì đó nhỏ nhoi, ít ỏi. Đau đớn hơn, “mảnh tình” đã bé, đã ít lại còn phải đem ra san sẻ, cuối cùng chỉ còn lại “tí con con” xót xa, tội nghiệp. Lời thơ quả thực cất lên từ sâu thẳm trong trái tim người đàn bà lẻ mọn với nước mắt đắng cay và tận cùng đau khổ.

“Tự tình II” thể hiện đặc sắc tài năng nghệ thuật của Hồ Xuân Hương. Tâm trạng nhân vật được khắc họa thành công qua việc sử dụng các biện pháp nghệ thuật, ngôn từ tinh tế nhưng vẫn rất tự nhiên. Bài thơ là những lời bộc bạch vừa buồn tủi, vừa thách thức duyên phận, gắng gượng vươn lên những vắn rơi vào

bi kịch. Thế nhưng đó không chỉ là nỗi đau của riêng bà. Xuân Hương ôm trong mình nỗi đau của cả một thời đại. Nhà thơ cất lên tiếng nói nhân văn cho số phận, khát khao của những người phụ nữ trong xã hội xưa khi mà với họ, hạnh phúc là một chiếc chăn qua hẹp. Qua đó, thể hiện tính nhân đạo sâu sắc của tác phẩm. Có thể nói, đây là bài thơ tiêu biểu cho phong cách sáng tác thơ của Hồ Xuân Hương. Đó là sự thống nhất giữa một trái tim yếu mềm, đa cảm, nhiều yêu thương và một bộ óc mẫn tiệt, thông tuệ. Trong dòng chảy của văn học trung đại Việt Nam, ta thấy Xuân Hương nổi bật lên giữa tất cả các khuôn mẫu thông thường. Dù chỉ là một người phụ nữ nhỏ bé nhưng dám cất lên tiếng nói đòi quyền hạnh phúc, dám nói lên khát khao được yêu thương.

Qua bài thơ “Tự tình II”, ta thấy được tài năng cũng như trái tim nhân hậu của Xuân Hương. Dù cho có đau khổ, bế tắc thì vẫn luôn kiên cường, mạnh mẽ. Hình ảnh của Xuân Hương như một tấm gương sáng ngời về một người phụ nữ mạnh mẽ, thông minh, tài năng, nhân hậu mà những người phụ nữ ở thời đại trước hay thời đại ngày nay đều nên học tập. Không chỉ “Tự tình II” mà tất cả những sáng tác của bà đều sẽ mãi in dấu trong lòng người đọc qua nhiều thế hệ. Bởi ở bà, ta thấy được một con người mang đầy tinh thần nhân đạo, là một Xuân Hương “kì nữ, kì tài”.

Bài làm 4

Hồ Xuân Hương là nhà thơ nổi tiếng, với rất nhiều những tác phẩm hay, và một trong những tác phẩm thể hiện được sâu sắc nhất hình tượng cũng như số phận của người phụ nữ Việt Nam thời xưa đó là bài Tự Tình.

Bài thơ Tự Tình được tác giả sáng tác ra để nói về tâm hồn, cũng như tình cảm của những người phụ nữ xưa, họ phải chịu rất nhiều những đau thương, khổ cực, cuộc đời của họ phải chịu rất nhiều những đắng cay, tủi hờn, không biết tâm sự cùng với ai, chỉ một mình lấp bóng trong đêm khuya, với bao nhiêu cảm xúc, tâm trạng của những người phụ nữ trước cuộc đời, với bao nhiêu cảm xúc đó, Hồ Xuân Hương đã sáng tác lên những vần thơ hay, nói lên số phận cũng như tiếng lòng của những người phụ nữ xưa:

Canh khuya vắng vắng trống canh đồn,

Trơ cái hồng nhan với nước non.

Chén rượu hương đưa, say lại tỉnh,

Vùng trăng bóng xế, khuyết chưa tròn.

Cảnh khuya là lúc trơ vợ, cô đơn, và con người thường sống đúng với cảm xúc của mình nhất, đây là lúc bao nhiêu nỗi lòng thương được bộc lộ cũng như diễn tả ra một cách sâu sắc cũng như sinh động nhất, tình cảm đó thể hiện trước hết ở tâm hồn trong sáng, cô đơn trước khung cảnh rộng lớn. Bài thơ với bao nhiêu cảm xúc của tác giả, với vần thơ chứa đựng biết bao nhiêu nỗi cô đơn thâm kín, đang dần vây quanh với thân phận nhỏ bé của những người phụ nữ, một mình phải đối diện với biết bao nhiêu nỗi đau, nỗi cô đơn.

Có lẽ tình cảm của tác giả dành cho bài thơ này đó là sự đồng cảm sâu sắc, nỗi lòng của tác giả cũng đang nói hộ cho chính mình, số phận của người phụ nữ xưa, những người phải chịu nhiều cực khổ, không được hưởng cuộc sống hạnh phúc như những người khác. Hồng nhan bạc mệnh, đây có lẽ là đề tài mà nhiều nhà văn lựa chọn để diễn tả trong tác phẩm của mình, nỗi lòng của những người phụ nữ xưa đã được đi sâu vào nền văn học, với biết bao nhiêu nỗi lòng của sự cô đơn, nỗi cô đơn đó, đang vây kín lấy tâm hồn, cũng như thể xác của họ.

Cảnh khuya người thiếu phụ một mình trơ trọi với núi non, không biết làm bạn với ai, chỉ biết một mình trơ trọi với bóng hồng nhan, đối diện với khung cảnh của núi non hùng vĩ, cảnh vật đó đã đang tác động sâu sắc đến cảm xúc của người đọc, tác giả, không chỉ thể hiện nỗi lòng của chính mình, mà qua đó còn nói về số phận của những người phụ nữ xưa nói riêng, nhưng tình cảm đó đều được đi sâu vào thơ văn.

Đúng là nhà văn là những người chiến sĩ của mọi thời đại, chính vì thế, bao nhiêu tình cảm chân thành, da diết, đều được họ thể hiện sâu sắc qua biết bao nhiêu cung bậc, cũng như cảm xúc của người đọc, thấm sâu trong chính tác phẩm của mình. Tình cảm đó đã đi sâu và mang đậm biết bao nhiêu giá trị của những người phụ nữ xưa, chỉ biết mượn rượu để quên sầu, nhưng khi tỉnh lại họ chợt nhận ra tất cả vẫn đang ám ảnh lấy tâm hồn của họ:

Xuyên ngang mặt đất, rêu từng đám,

đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,

Mảnh tình san sẻ tí con con.

Tất cả nỗi buồn đó đều được thể hiện rất chi tiết và cụ thể trong tác phẩm, có thể thấy, nỗi lòng của những người phụ nữ đó là rất lớn, đêm khuya trơ trọi với biết bao nhiêu nỗi cô đơn, sự gian nan và biết bao nhiêu nỗi lòng dành cho người mình yêu, nhưng khổ nỗi mảnh tình san sẻ cũng không có ai để thấu.

Nhưng không hẳn vì thế mà họ quên đi chính mình, họ vẫn thể hiện sức sống tiềm tàng qua sức mạnh cũng như tình yêu thương của mình, họ vượt qua mọi khó khăn, vượt qua những cái khắc nghiệt của cuộc sống, xuyên ngang mặt đất, ở đây có thể hiểu rằng, họ đã trải qua bao nhiêu rào cản của xã hội phong kiến để có được hạnh phúc cho chính mình, không sợ những rào cản đó làm cản trở đi tình yêu cũng như xúc cảm trong chính bản thân họ.

Rêu từng đám ở đây nói về sự chắc chắn, kết nối, rêu không phải là thứ gì đó dễ đi, nó bám lâu đời, và cũng biểu hiện để nói về tình cảm của những người phụ nữ cũng phải chờ mong, đợi chờ và rồi, từng đám rêu đó đã chứng minh thấy tình cảm của họ đã hóa lên thành những đám rêu, bám từ ngày này qua ngày khác, không khó tháo ra.

Bao vất vả, cũng vượt qua, đâm toạc chân mây, rêu vẫn cứ mọc, vượt qua bao nhiêu nỗi cô đơn, tình cảm đó vẫn muốn san sẻ đi chút ít, sâu sắc và chân thành. Sự chờ đợi đó cứ lặp đi lặp lại, cứ chảy trôi hết ngày này qua ngày khác, luân đi luân lại lại”, ở đây cũng diễn tả sự quay trở lại của quỹ đạo thời gian, tất cả vượt qua rất nhiều những gian nan và vẫn muốn thể hiện tình cảm của chính mình.

Bài thơ đã thể hiện được sâu sắc nỗi lòng của những người phụ nữ xưa, họ phải sống một cuộc sống cô đơn, vất vả, một mình trơ trọi trước khung cảnh rộng lớn của thiên nhiên, nhưng lòng người thì thật nhỏ hẹp.

Bài làm 5

Trong nền văn học trung đại Việt Nam, Hồ Xuân Hương được biết đến là nhà thơ phụ nữ viết về phụ nữ với tiếng nói cảm thương, tiếng nói khẳng định, tiếng nói tự ý thức về bản thân đầy bản lĩnh. “Bà chúa thơ Nôm” có chùm thơ “Tự tình” bao gồm ba bài, là tiếng nói của thân phận, là những khát khao, đau buồn của kiếp người. Trong đó, bài thơ “Tự tình II” đã thể hiện rõ tâm trạng, thái độ của nữ sĩ: vừa buồn đau, vừa phẫn uất trước nghịch cảnh éo le cùng khát vọng vươn lên nhưng vẫn rơi vào bi kịch.

Bốn câu thơ mở đầu bài thơ đã cho thấy hoàn cảnh và tâm trạng của nữ sĩ:

“Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn

Tơ cái hồng nhan với nước non.

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh

Vàng trắng bóng xế khuyết chưa tròn”.

Câu thơ gợi nên sự vắng lặng, tĩnh mịch của đêm khuya trong âm điệu buồn thương. Tiếng trống canh giữa đêm khuya cho thấy cảm nhận về bước đi dồn dập của thời gian. Trong thời gian và không gian đó, tác giả cay đắng nhận ra sự bẽ bàng của thân phận, được thể hiện qua nghệ thuật sử dụng ngôn từ tinh tế, độc đáo. Những từ ngữ giàu giá trị biểu cảm đã được sử dụng để thể hiện tâm trạng: “Tơ” được đặt đầu câu kết hợp với biện pháp đảo nhấn mạnh cảm giác tủi hổ, chai lì. Hai chữ “hồng nhan” lại đi với từ “cái” đặc trưng cho phong cách nghệ thuật vừa trữ tình vừa trào phúng của tác giả, gợi lên ý thức về sự rẻ rúng, mỉa mai của thân phận. Bi kịch về tâm trạng càng được xoáy sâu thêm. Câu thơ: “Vàng trắng bóng xế khuyết chưa tròn” vừa miêu tả ngoại cảnh vừa diễn tả tâm cảnh, thể hiện sự thống nhất giữa thiên nhiên và con người. “Vàng trắng bóng xế” (trăng sắp tàn) mà vẫn “khuyết chưa tròn” trở thành hình ảnh ẩn dụ, nhấn mạnh hai lần bi kịch của cuộc đời nữ sĩ: tuổi xuân trôi qua mà nhân duyên vẫn không trọn vẹn, thậm chí chỉ là sự dang dở.

Ý thức sâu sắc về bi kịch tình duyên, tác giả không chỉ cảm thấy bẽ bàng, tủi hổ mà còn phẫn uất:

“Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám

Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn”

Bức tranh thiên nhiên hiện lên với những nét chấm phá về rêu và đá. “Rêu” và “đá” là những sinh vật vô tri vô giác, bé nhỏ nhưng vẫn không chịu khuất phục mà vẫn hiên ngang tồn tại một cách mạnh mẽ: “xiên ngang mặt đất”, “đâm toạc chân mây”. Biện pháp đảo ngữ đưa những động từ mạnh lên đầu câu đã làm nổi bật sức sống mãnh liệt của cỏ cây, cũng chính là ẩn dụ cho tâm trạng phẫn uất muốn vượt lên trên nghịch cảnh éo le của tác giả. Nữ sĩ tuy nhận ra sự ngang trái, éo le của phận mình nhưng không hề cam chịu mà luôn muốn vùng vẫy, vượt lên trên hoàn cảnh bằng những hành động phản kháng.

Bài thơ mở đầu bằng cảm thức về thời gian: “Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn”, và kết thúc cũng bằng cảm thức về thời gian, cho thấy tâm trạng chán chường, buồn tủi:

“Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại

Mảnh tình san sẻ tí con con”

Hai câu thơ tiếp tục thể hiện tài năng trong việc sử dụng ngôn ngữ của tác giả. “Ngán” mang sắc thái chỉ sự chán ngán, ngán ngẩm. Từ “xuân” được điệp lại hai lần mang những sắc thái ngữ nghĩa khác nhau: vừa chỉ mùa xuân, vừa chỉ tuổi xuân. Mùa xuân của đất trời luôn lặp đi lặp lại theo quy luật tuần hoàn: xuân, hạ, thu, đông nhưng với con người thì tuổi xuân chỉ đến một lần duy nhất, và không bao giờ trở lại. Hai từ “lại” trong cụm từ “xuân đi xuân lại lại” cũng được sử dụng với hai sắc thái ý nghĩa khác nhau: từ “lại” thứ nhất là thêm một lần nữa, trong khi đó, từ “lại” thứ hai có nghĩa là quay trở lại, gợi lên sự tuần hoàn, lặp lại. Tất cả đã làm nổi bật ý thức sâu sắc về bi kịch của bản thân và nỗi chán chường khi phải sống trong cuộc sống eo le, ngang trái.

Tác giả đã sử dụng nghệ thuật tăng tiến ở câu thơ “Mảnh tình- san sẻ- tí- con con” nhấn mạnh bi kịch tình duyên éo le của nhân vật trữ tình. Mảnh tình vốn nhỏ bé lại còn không trọn vẹn, thậm chí là phải “san sẻ”. Câu thơ đã gợi lên hoàn cảnh đầy ngang trái của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa khi phải sống trong cảnh chung chồng, và mang thân đi làm lẽ.

Bài thơ “Tự tình II” đã thể hiện một cách sâu sắc, mãnh liệt khát vọng sống, khát vọng tự do và khát vọng hạnh phúc của tâm hồn một người phụ nữ vừa dịu dàng, đằm thắm vừa mạnh mẽ. Tất cả đã được thể hiện thông qua tài năng trong nghệ thuật sử dụng ngôn từ và xây dựng hình tượng của “Bà Chúa thơ Nôm”.

Xem thêm các bài tiếp theo tại: <https://vndoc.com/hoc-tot-ngu-van-lop-11>